

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 472 /KTQLB-VPCT
V/v báo cáo về công bố thông tin

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

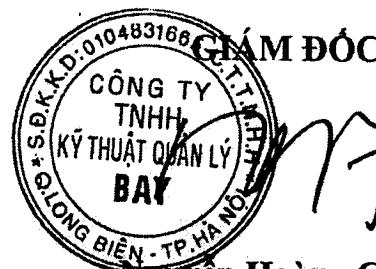
Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-HĐTV ngày 20/10/2021 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc ban hành Quy chế công bố thông tin và sử dụng phần mềm quản lý thông tin công khai, minh bạch hoạt động tại Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay xin gửi tới Tổng công ty Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (chi tiết như tài liệu đính kèm).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Ban KSNB-TCT;
- Chủ tịch Công ty (để b/c);
- KSV;
- BBT Website (để đăng tải)
- Lưu: VT, VP (Th05b).



Nguyễn Hoàng Giang

00264
CỘT
KIỂM
VÀ
INH P



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tháng 01 năm 2025

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY
Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Lê Tiến Thịnh

Chủ tịch

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Giang
Ông Nguyễn Như Thành
Ông Phan Quốc Hưng
Ông Đinh Nhật Minh

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kê toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787

Website: www.vaco.com.vn

Số: 003 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch, Ban Giám đốc
Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23 tháng 01 năm 2025, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản phải thu khách hàng và phải thu khác lâu ngày chưa thu hồi với giá trị khoảng 8,7 tỷ VND. Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ tồn đọng này. Công ty đã cung cấp cho chúng tôi hồ sơ liên quan đến khoản công nợ trên, nhưng chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng thu hồi của khoản công nợ tồn đọng nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một số hàng tồn kho chậm luân chuyển với giá trị khoảng 6,4 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để xác định được giá trị thuần của số hàng tồn kho này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- i. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 - Vốn chủ sở hữu: Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2024, việc phân phối lợi nhuận này chưa được phê duyệt của chủ sở hữu là Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam.
- ii. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Trong quý 4 năm 2024, Công ty hiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ với Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam với giá trị khoảng 72,99 tỷ VND trên cơ sở hợp đồng đã ký, biên bản nghiệm thu hoàn thành. Các khoản doanh thu này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam thanh lý hợp đồng chính thức.
- iii. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 - Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu cầu: Trong năm, Công ty đã hạch toán Quỹ tiền lương cho người lao động và Ban Điều hành, Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty với tổng giá trị 112.359.565.730 VND. Quỹ tiền lương này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam quyết toán Quỹ tiền lương cho năm 2024.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến những vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		235.733.185.919	240.684.950.733
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	70.156.136.161	117.894.707.810
1. Tiền	111		9.356.136.161	27.894.707.810
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.800.000.000	90.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	30.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.725.006.145	102.405.751.945
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	88.431.889.831	88.270.151.507
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.684.514.204	6.303.186.827
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	10.608.602.110	8.255.626.611
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(423.213.000)
IV. Hàng tồn kho	140	9	18.192.788.612	12.624.227.202
1. Hàng tồn kho	141		18.192.788.612	12.653.100.745
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(28.873.543)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.659.255.001	7.760.263.776
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	6.939.087.271	6.270.834.952
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.720.167.730	1.489.428.824
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		202.639.137.244	180.915.135.778
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		300.000.000	235.723.548
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	300.000.000	235.723.548
II. Tài sản cố định	220		168.229.112.320	113.255.236.633
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	161.601.701.534	109.135.209.700
- Nguyên giá	222		719.679.959.218	676.301.448.746
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(558.078.257.684)	(567.166.239.046)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	6.627.410.786	4.120.026.933
- Nguyên giá	228		25.923.103.359	22.030.817.194
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(19.295.692.573)	(17.910.790.261)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.087.954.983	61.869.261.789
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	27.087.954.983	61.869.261.789
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.022.069.941	5.554.913.808
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.312.113.871	3.190.617.241
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.709.956.070	2.364.296.567
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		438.372.323.163	421.600.086.511

M.S.D.A.N
*
TH

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		141.948.766.746	123.255.058.500
I. Nợ ngắn hạn	310		92.713.112.452	67.782.907.499
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	13.709.104.761	16.182.030.756
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	21.558.329.409	531.002.162
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.392.814.993	6.033.192.371
4. Phải trả người lao động	314		33.152.405.127	29.526.531.158
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	13.021.406.933	4.706.124.818
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		156.309.960	238.848.900
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		342.629.873	500.612.688
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.380.111.396	10.064.564.646
II. Nợ dài hạn	330		49.235.654.294	55.472.151.001
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	15	28.528.723.845	35.584.782.845
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		413.459.799	205.343.657
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		20.293.470.650	19.682.024.499
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		296.423.556.417	298.345.028.011
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	296.423.556.417	298.345.028.011
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		279.084.000.000	279.084.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.339.556.417	17.181.965.381
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	2.079.062.630
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		-	2.079.062.630
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		438.372.323.163	421.600.086.511



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Nguyễn Phạm Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Ông Thị Thu Huyền
Người lập biếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	354.007.446.454	328.896.649.714
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ($10 = 01$)	10		354.007.446.454	328.896.649.714
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	21	225.307.752.907	205.978.255.451
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ($20 = 10 - 11$)	20		128.699.693.547	122.918.394.263
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.926.746.800	4.938.232.731
6. Chi phí tài chính	22	24	573.795.019	622.664.759
7. Chi phí bán hàng	25	25	655.794.172	515.512.904
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	59.086.154.216	54.345.795.623
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ($30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)$)	30		70.310.696.940	72.372.653.708
10. Thu nhập khác	31	26	2.989.973.582	308.473.489
11. Chi phí khác	32	27	960.173.754	360.086.840
12. Lợi nhuận khác ($40 = 31 - 32$)	40		2.029.799.828	(51.613.351)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ($50 = 30 + 40$)	50		72.340.496.768	72.321.040.357
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	14.541.975.378	15.047.822.422
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ($60 = 50 - 51$)	60		57.798.521.390	57.273.217.935



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

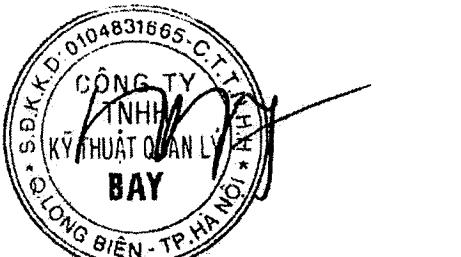
Nguyễn Phạm Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Uông Thị Thu Huyền
Người lập biếu

BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm nay	Số năm trước
I. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	360.633.421.158	363.892.282.344
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(117.376.756.471)	(122.186.401.862)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(96.004.446.551)	(101.787.718.226)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(16.947.528.536)	(18.250.454.284)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13.326.239.409	20.757.700.172
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(109.170.380.684)	(102.686.731.606)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>34.460.548.325</i>	<i>39.738.676.538</i>
II. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(53.228.925.815)	(41.863.618.819)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.026.199.884	4.616.261.208
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(82.202.725.931)</i>	<i>(37.247.357.611)</i>
III. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(11.364.658.267)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>(11.364.658.267)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50 = 20 + 30 + 40$)</i>	<i>50</i>	<i>(47.742.177.606)</i>	<i>(8.873.339.340)</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	117.894.707.810	126.751.769.537
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.605.957	16.277.613
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm ($70 = 50 + 60 + 61$)	70	70.156.136.161	117.894.707.810



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Nguyễn Phạm Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Uông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104831665 cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 8 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên sửa đổi lần thứ 9 vào ngày 28 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 279.084.000.000 VND.

Trụ sở chính đặt tại số 5/200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Tổng số lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 437 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 410 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không; Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê tài sản trên đất, cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn quản lý chi phí hạng 2: *Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Xác định chi tiêu suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chi số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; (không bao gồm các hoạt động: Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm soát chi phí xây dựng công trình đối với các dự án trọng điểm quốc gia);*
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính;
- Lập trình máy vi tính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

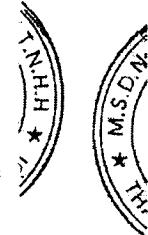
Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với *báo cáo tài chính kèm theo*

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Hoạt động viễn thông không dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông có dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồng hồ;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Công thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Hoạt động chính

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không.

Ngoài ra, Công ty thực hiện cung cấp các sản phẩm công nghiệp hàng không.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, một số hợp đồng được thực hiện trong thời gian nhiều hơn 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau đây:

Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng chuyên ngành đặt tại số 5/200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-CTCT ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay.

Chi nhánh của Công ty đặt tại số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Chi nhánh được thành lập theo Quyết định số 107/QĐ-KTQLB ngày 09 tháng 02 năm 2011 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01 tháng 4 năm 2012).

Xí nghiệp Chế tạo thiết bị hàng không đặt tại số 6, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 502/QĐ-CTCT ngày 28 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01 tháng 01 năm 2015).

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các số liệu báo cáo tài chính của năm trước đảm bảo khả năng so sánh được với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Năm 2024
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, chương trình phần mềm, tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian được phép sử dụng đất. Chương trình phần mềm và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản đang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí bay hiệu chuẩn, chi phí trang phục ngành, chi phí sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài chính dành cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Chi hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Tiếp theo)

- Mua bán quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiều dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
- Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
- Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
- Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Chi cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước.
- Chi cho đánh giá, thử nghiệm, giám định, kiểm định, quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, công nghệ mới; đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.
- Chi tài trợ, hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.
- Chi thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ.
- Chi phục vụ hoạt động quản lý Quỹ.

Tài sản cố định hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được theo dõi trên sổ sách kế toán và không phải trích khấu hao.

Năm 2024, Công ty trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ số tiền 3.906.500.198 VND (bằng 5,1% thu nhập tính thuế TNDN). Trích lập Quỹ trong năm phù hợp với điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và được hạch toán vào chi phí.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số tiền Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Công ty đã sử dụng từ lúc trích lập là 19.346.480.603 VND. Trong đó, số tiền trích lập Quỹ lũy kế từ năm 2012 đến năm 2018 là 19.000.000.000 VND, số tiền trích lập Quỹ năm 2019 là 6.500.000.000 VND. Công ty đã sử dụng hết 100% số tiền trích lập Quỹ lũy kế từ năm 2012 đến năm 2018 và sử dụng 346.480.603 VND số tiền trích lập Quỹ năm 2019 (tương ứng sử dụng 5,3% số tiền trích lập Quỹ của năm 2019). Giá trị trích lập quỹ năm 2019 chưa sử dụng hết là 6.153.519.397 VND. Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 67/2022/TT-BTC, Công ty phải nộp ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích nhưng sử dụng không hết 70% khoản trích Quỹ và tiền lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp này. Cụ thể:

- + Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích nhưng sử dụng không hết 70% khoản trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ là 1.230.703.879 VND.
- + Lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 112.978.616 VND.

Công ty hạch toán phần thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và phần lãi tính trên số thuế này vào giảm Quỹ.

Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam. Trong năm, Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận căn cứ trên cơ sở của các hồ sơ: Quy chế tài chính của Công ty, Quyết định số 752/QĐ-HĐTV ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc ban hành quy định thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng theo Nghị định số 20/2020/NĐ-CP và Quyết định số 541/QĐ-HĐTV ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc kéo dài thời gian thực hiện và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 752/QĐ-HĐTV. Việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ do Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam quyết định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rõ ràng và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đơn vị, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi số và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

- Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam (Công ty mẹ).
- Các chi nhánh của Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam.
- Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc; Quản lý chủ chốt.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	741.930.180	710.599.197
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.614.205.981	27.184.108.613
Các khoản tương đương tiền (i)	60.800.000.000	90.000.000.000
Cộng	70.156.136.161	117.894.707.810

Ghi chú:

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ một đến ba tháng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGĂN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-

Ghi chú:

(i) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và không được phân loại là tương đương tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.346.102.985	13.771.382.083
Ban Quản lý các Dự án cầu Hải Phòng	5.630.862.213	5.630.862.213
Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ VTG	2.810.194.400	-
Ban Quản lý Dự án Mỹ Thuận	874.780.054	874.780.054
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vân Đồn - CN Cảng Hàng không Quốc tế Vân Đồn - Sun Group	720.080.320	3.146.175.200
Công ty TNHH Tân Thế Kỷ	549.010.000	-
Quân chủng Phòng không Không quân	415.530.550	415.530.550
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh	-	900.485.598
Công ty Indra Air Traffic, Inc	-	1.364.060.000
Các đối tượng khác	345.645.448	1.439.488.468
b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan	77.085.786.846	74.498.769.424
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam - Công ty TNHH	76.864.527.572	74.022.573.424
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	76.312.874	-
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	92.696.400	423.946.000
Trung tâm thông tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	52.250.000	52.250.000
Cộng	88.431.889.831	88.270.151.507

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Mopiens Inc.	5.486.664.960	-
Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Hóa chất	1.253.525.737	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp CONSTREXIM Số 8	302.655.156	3.031.761.648
Công ty Cổ phần Giải pháp kỹ thuật Toàn Cầu	-	763.963.650
Công ty Cổ phần Giải pháp Giáo dục - Y tế Nam Việt	-	702.000.000
Các đối tượng khác	1.641.668.351	1.805.461.529
Cộng	8.684.514.204	6.303.186.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	<u>10.608.602.110</u>	-	<u>8.255.626.611</u>	-
Tạm ứng	399.192.600	-	422.246.600	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.727.742.191	-	3.414.133.156	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư	3.072.323.845	-	3.072.323.845	-
Xây dựng Vạn Tường (i)				Kết
Phải thu Tổng Công ty về lợi nhuận nộp thừa	437.334.252	-	-	▼
Phải thu Tổng Công ty chi phí nhiệm vụ khoa học công nghệ TAC	460.882.127	-	-	///
Các khoản phải thu khác	1.511.127.095	-	1.346.923.010	-
b) Phải thu dài hạn khác	<u>300.000.000</u>	-	<u>235.723.548</u>	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	300.000.000	-	235.723.548	-

Ghi chú:

- (i) Là khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường cho các hạng mục chi phí kiểm định chất lượng công trình và chi phí sửa chữa phần công việc không đạt yêu cầu của gói thầu số 8 do Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường làm nhà thầu tại dự án đầu tư cơ sở làm việc của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay tại 58 Trường Sơn.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.131.377.020	-	5.043.489.307	(21.737.149)
Công cụ, dụng cụ	170.016.352	-	150.163.019	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.943.446.991	-	6.753.099.982	-
Thành phẩm	947.948.249	-	706.348.437	(7.136.394)
Cộng	<u>18.192.788.612</u>	-	<u>12.653.100.745</u>	<u>(28.873.543)</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn			6.939.087.271	6.270.834.952
Chi phí bay hiệu chuẩn (cho thiết bị dẫn đường)	4.205.665.668	-	3.413.063.181	
Chi phí trang phục ngành	1.855.521.556	-	1.761.879.899	
Chi phí phần mềm	401.240.553	-	630.753.856	
Chi phí bảo hiểm	5.440.051	-	4.330.846	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	471.219.443	-	460.807.170	
b) Dài hạn			4.312.113.871	3.190.617.241
Chi phí sửa chữa	2.310.582.911	-	1.267.437.911	
Chi phí bay hiệu chuẩn (cho thiết bị ADSB)	344.388.641	-	541.028.645	
Chi phí sử dụng tần số vô tuyến điện	321.748.893	-	348.285.532	
Chi phí cấp giấy phép	385.861.689	-	225.651.095	
Chi phí trả trước dài hạn khác	949.531.737	-	808.214.058	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	129.435.755.933	534.828.978.244	9.041.742.787	2.994.971.782	676.301.448.746
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	46.105.512.651	10.703.741.284	1.903.250.803	18.067.614.746	76.780.119.484
Tăng do phê duyệt quyết toán xây dựng cơ bản	896.187.656	1.974.953.753	13.702.247	-	2.884.843.656
Tăng do hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	441.350.277	-	-	441.350.277
Giảm do quyết toán Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	(5.000.000)	-	-	(5.000.000)
Giảm do phê duyệt quyết toán xây dựng cơ bản	(2.879.730.758)	(896.187.656)	-	-	(3.775.918.414)
Giảm thanh lý	-	(29.786.898.162)	(1.070.242.414)	(44.155.220)	(30.901.295.796)
Giảm khác	(965.871.967)	(1.079.716.768)	-	-	(2.045.588.735)
Số dư cuối năm	172.591.853.515	516.181.220.972	9.888.453.423	21.018.431.308	719.679.959.218
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUÝ KÉ					
Số dư đầu năm	77.334.922.900	480.486.499.601	7.231.050.016	2.113.766.529	567.166.239.046
Khấu hao trong năm	6.412.850.582	16.404.444.092	397.448.695	644.159.800	23.858.903.169
Giảm do thanh lý	-	(29.786.898.162)	(1.070.242.414)	(44.155.220)	(30.901.295.796)
Giảm khác	(965.871.967)	(1.079.716.768)	-	-	(2.045.588.735)
Số dư cuối năm	82.781.901.515	466.024.328.763	6.558.256.297	2.713.771.109	558.078.257.684
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	52.100.833.033	54.342.478.643	1.810.692.771	881.205.253	109.135.209.700
Số dư cuối năm	89.809.952.000	50.156.892.209	3.330.197.126	18.304.660.199	161.601.701.534

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty là 470.836.874.797 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 454.815.717.763 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 30.378.533.190 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với *báo cáo tài chính kèm theo*

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.705.912.372	13.836.795.721	6.488.109.101	22.030.817.194
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.660.000.000	-	3.660.000.000
Tăng do hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	304.153.422	304.153.422
Giảm do thanh lý	-	-	(71.867.257)	(71.867.257)
Số dư cuối năm	<u>1.705.912.372</u>	<u>17.496.795.721</u>	<u>6.720.395.266</u>	<u>25.923.103.359</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUÝ KẾ				
Số dư đầu năm	27.617.001	13.066.787.527	4.816.385.733	17.910.790.261
Khäu hao trong năm	37.436.377	625.222.168	794.111.024	1.456.769.569
Giảm do thanh lý	-	-	(71.867.257)	(71.867.257)
Số dư cuối năm	<u>65.053.378</u>	<u>13.692.009.695</u>	<u>5.538.629.500</u>	<u>19.295.692.573</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	<u>1.678.295.371</u>	<u>770.008.194</u>	<u>1.671.723.368</u>	<u>4.120.026.933</u>
Số dư cuối năm	<u>1.640.858.994</u>	<u>3.804.786.026</u>	<u>1.181.765.766</u>	<u>6.627.410.786</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 16.480.051.017 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 15.997.544.001 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 71.867.257 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay tại 58 Trường Sơn	147.195.761	50.414.949.987
Đầu tư bổ sung tần số VHF thứ 2 cho phân khu 4, 5 FIR HCM tại Trường Sa lớn và Song Tử Tây	-	5.628.398.798
Đầu tư xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến E-Learning và hệ thống hội nghị trực tuyến	9.493.324	4.232.163.745
Đầu tư đài dẫn đường VOR/DME Cà Mau	483.151.462	-
Đầu tư và khai thác trạm VHF Côn Sơn cho phân khu 3, phân khu 4 FIR HCM	25.439.196.541	-
Triển khai hệ thống tích hợp và xử lý dữ liệu ADS-B tại AACC Hồ Chí Minh	529.597.237	-
Các công trình khác	479.320.658	1.593.749.259
Cộng	27.087.954.983	61.869.261.789

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	13.646.856.639	13.646.856.639	15.560.482.029	15.560.482.029
Công ty TNHH Công nghệ Dicom	5.180.384.728	5.180.384.728	1.751.088.600	1.751.088.600
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Vạn Tường	1.142.785.030	1.142.785.030	1.142.785.030	1.142.785.030
Công ty Cổ phần Công nghệ Điện lạnh VINASHIN	835.287.910	835.287.910	2.477.219.982	2.477.219.982
Công ty Cổ phần Cơ điện DzI An	548.893.040	548.893.040	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng 306	-	-	1.757.685.820	1.757.685.820
Các đối tượng khác	5.939.505.931	5.939.505.931	8.431.702.597	8.431.702.597
b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan	62.248.122	62.248.122	621.548.727	621.548.727
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	62.248.122	62.248.122	61.256.798	61.256.798
Trung tâm Quản lý luồng không lưu - Chi nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	-	-	550.596.353	550.596.353
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	-	-	9.695.576	9.695.576
Cộng	13.709.104.761	13.709.104.761	16.182.030.756	16.182.030.756

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21.558.329.409		161.167.528	
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV)	17.607.142.905		-	
Approach Navigation Systems Inc.	1.600.432.600		-	
NEC Networks & System Integration Corporation	1.229.269.500		-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bizman	640.000.000		-	
Các đối tượng khác	481.484.404		161.167.528	
b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan	-		369.834.634	
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	-		225.038.622	
Công ty Quản lý Bay Miền Nam	-		144.796.012	
c) Người mua trả tiền trước dài hạn	28.528.723.845		35.584.782.845	
Cục Hàng không Dân dụng Singapore	28.528.723.845		35.584.782.845	
Cộng	50.087.053.254		36.115.785.007	

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY
Số 5/200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề,
quận Long Biên, TP. Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT phải nộp	39.462.931	16.725.477.642	16.764.940.573	-
Thuế thu nhập cá nhân	663.615.922	7.247.252.549	7.707.075.241	203.793.230
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.250.892.426	15.885.657.873	16.947.528.536	4.189.021.763
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	37.041.640	1.424.592.083	1.461.633.723	-
Các loại thuế khác	-	6.831.150.976	6.831.150.976	-
Lệ phí môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	42.179.452	352.943	42.532.395	-
Cộng	6.033.192.371	48.120.484.066	49.760.861.444	4.392.814.993

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Trích trước chi phí quyết toán dự án	4.648.662.560	4.648.662.560	2.578.369.569	2.578.369.569
Trích trước chi phí giá vốn	7.970.607.325	7.970.607.325	1.758.285.419	1.758.285.419
Trích trước tiền ăn ca, ăn định lượng, phụ cấp đàng ...	402.137.048	402.137.048	369.469.830	369.469.830
Cộng	13.021.406.933	13.021.406.933	4.706.124.818	4.706.124.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2023	279.084.000.000	-	14.268.724.166	9.726.326.591	303.079.050.757
Lãi trong năm	-	-	-	57.273.217.935	57.273.217.935
Tăng trong năm	-	362.104.863	-	-	362.104.863
Giảm trong năm	-	(362.104.863)	-	-	(362.104.863)
Nộp lợi nhuận còn lại năm 2022 và 9 tháng 2023 về Tổng Công ty	-	-	-	(11.364.658.267)	(11.364.658.267)
Bù trừ công nợ	-	-	(14.268.724.166)	(9.568.440.646)	(23.837.164.812)
Phân phối lợi nhuận năm 2023	-	-	17.181.965.381	(43.987.382.983)	(26.805.417.602)
Tại ngày 01/01/2024	<u>279.084.000.000</u>	<u>-</u>	<u>17.181.965.381</u>	<u>2.079.062.630</u>	<u>298.345.028.011</u>
Lãi trong năm	-	-	-	57.798.521.390	57.798.521.390
Tăng trong năm	-	43.695.865	-	-	43.695.865
Giảm trong năm	-	(43.695.865)	-	-	(43.695.865)
Bù trừ công nợ (i)	-	-	(17.181.965.381)	(15.048.653.526)	(32.230.618.907)
Phân phối lợi nhuận năm 2024 (ii)	-	-	17.339.556.417	(45.266.264.746)	(27.926.708.329)
Lợi nhuận sau thuế nộp thừa cho Tổng Công ty	-	-	-	437.334.252	437.334.252
Tại ngày 31/12/2024	<u>279.084.000.000</u>	<u>-</u>	<u>17.339.556.417</u>	<u>-</u>	<u>296.423.556.417</u>

Ghi chú:

- (i) Bù trừ công nợ theo Biên bản xác nhận đối trừ công nợ các ngày 21 tháng 3 năm 2024, ngày 29 tháng 7 năm 2024, và ngày 28 tháng 10 năm 2024, theo đó, Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam thống nhất bù trừ số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại và Quỹ đầu tư phát triển năm 2023, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại sau 6 tháng đầu năm 2024 và quý 3 năm 2024 Công ty phải nộp về Tổng Công ty với số Tổng Công ty phải trả Công ty liên quan đến các hợp đồng Công ty cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty.
- (ii) Năm 2024, Công ty tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty với tổng số tiền là 45.266.264.746 VND dựa trên kết quả kinh doanh năm 2024. Số trích Quỹ cuối cùng phụ thuộc vào quyết định phê duyệt của chủ sở hữu Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp như sau:

	Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày cuối năm	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	279.084.000.000	100%	279.084.000.000	100%
	279.084.000.000	100%	279.084.000.000	100%

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẰNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đồng Đô la Mỹ (USD)	3.699,51	235.951,13
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	1.423,49	1.422,17

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	13.004.923.777	15.187.056.830
Doanh thu cung cấp dịch vụ	341.002.522.677	313.709.592.884
Cộng	354.007.446.454	328.896.649.714

Trong đó: Doanh thu đối với bên liên quan (i) **236.998.595.932** **211.148.400.121**

Ghi chú:

- (i) Trong quý 4 năm 2024, Công ty đã ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ đối với Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam với giá trị khoảng 72,99 tỷ VND trên cơ sở hợp đồng, biên bản nghiệm thu hoàn thành: Dịch vụ dẫn đường VOR/DME, NDB; Dịch vụ giám sát ADS-B; Dịch vụ thoại khôngaira VHF tại Trường Sa Lớn và Song Tử Tây; Dịch vụ cho thuê và quản trị phần mềm AMHS, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, CNTT năm 2024. Các khoản doanh thu này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam thanh lý hợp đồng chính thức.

Doanh thu đối với các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 29 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Giá vốn hàng hóa	9.151.017.757	11.078.974.959
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	216.156.735.150	194.900.256.472
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(975.980)
Cộng	225.307.752.907	205.978.255.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.699.563.440	11.902.770.321
Chi phí nhân công	129.646.209.653	124.804.365.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.110.712.825	18.238.576.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.518.519.963	78.682.056.248
Chi phí khác bằng tiền	56.802.402.983	31.915.119.709
Cộng	299.777.408.864	265.542.889.213

Trong năm, Công ty đã hạch toán Quỹ tiền lương cho người lao động và Ban Điều hành, Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty với tổng giá trị là 112.359.565.730 VND. Quỹ tiền lương này có thể sẽ được điều chỉnh khi Công ty và Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam quyết toán Quỹ tiền lương cho năm 2024.

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.210.279.285	4.222.670.076
Lãi chênh lệch tỷ giá	716.467.515	715.562.655
Cộng	1.926.746.800	4.938.232.731

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	573.795.019	622.664.759
Cộng	573.795.019	622.664.759

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
a) Các khoản chi phí QLĐN phát sinh trong năm	59.086.154.216	54.345.795.623
Tiền lương	34.810.673.962	35.432.098.443
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	24.275.480.254	18.913.697.180
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	655.794.172	515.512.904
Trích dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	655.794.172	512.494.784
Các khoản chi phí bán hàng khác	-	3.018.120

26. THU NHẬP KHÁC

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Hoàn nhập bảo hành	548.367.119	200.440.040
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	2.296.501.847	-
Thu bán thanh lý tài sản	59.805.347	-
Các khoản khác	85.299.269	108.033.449
Cộng	2.989.973.582	308.473.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với *báo cáo tài chính kèm theo*

27. CHI PHÍ KHÁC

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Chi phí khắc phục sự cố sét đánh	884.649.466	-
Tiền thuế bổ sung, chậm nộp thuế	-	211.700.362
Điều chỉnh thuế GTGT	-	65.511.024
Các khoản khác	75.524.288	82.875.454
Cộng	960.173.754	360.086.840

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	72.340.496.768	72.321.040.357
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	351.046.123	544.530.566
Công: Thu nhập chưa thực hiện	351.046.123	544.530.566
Công: Chi phí không được khấu trừ	72.691.542.891	72.865.570.923
Thu nhập chịu thuế	20%	20%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.538.308.578	14.573.114.184
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung theo tờ khai quyết toán thuế năm trước	3.666.800	32.207.028
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	-	71.587.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp khác	-	370.913.750
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.541.975.378	15.047.822.422

Trong năm, ngoài khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế với số tiền 351.046.123 VND, Công ty đánh giá không có khoản chênh lệch nào khác giữa lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ TRỌNG YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Bán hàng		236.998.595.932	211.148.400.121
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	233.001.872.999	209.279.205.527
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc	1.675.084.000	335.678.594
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	Công ty mẹ	966.150.000	532.400.000
Công ty Quản lý Bay Miền Nam	Đơn vị trực thuộc	1.044.588.933	716.116.000
Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	285.000.000	285.000.000
Trung tâm quản lý luồng lưu không lưu - Chi nhánh	Đơn vị trực thuộc	25.900.000	-
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DỰ TRỌNG YÊU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Bên liên quan	Quan hệ	Số năm nay	Số năm trước
		VND	VND
Thu tiền			
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	216.073.880.454	226.718.130.193
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc	1.521.889.984	625.834.708
Công ty Quản lý Bay Miền Nam	Công ty mẹ	1.043.553.017	892.364.292
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	Đơn vị trực thuộc	1.388.518.000	158.406.000
Trung tâm quản lý luồng không lưu - Chi nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Đơn vị trực thuộc	27.972.000	-
Trung tâm thông báo tin tức Hàng không - Chi nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Đơn vị trực thuộc	313.500.000	313.500.000
Thanh toán		2.093.173.460	13.849.325.777
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	9.695.576	11.384.603.267
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc	106.689.980	139.363.562
Công ty Quản lý Bay Miền Nam	Công ty mẹ	299.633.393	317.974.295
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	Đơn vị trực thuộc	258.038.164	201.041.471
Trung tâm quản lý luồng không lưu - Chi nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Đơn vị trực thuộc	1.419.116.347	1.806.343.182

Thu nhập của Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Chủ tịch Công ty và Ban Điều hành	5.654.015.150	5.461.962.717

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

Chi tiêu Cố tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm nay không phát sinh do Công ty và Tổng Công ty đã thống nhất tại các Biên bản xác nhận đối trừ công nợ giữa Công ty và Tổng Công ty ngày 21 tháng 3 năm 2024, ngày 29 tháng 7 năm 2024, và ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc bù trừ khoản lợi nhuận phải nộp (với tổng số tiền là 15.048.653.526 VND) với các khoản mà Tổng Công ty phải trả Công ty liên quan đến các hợp đồng cung cấp dịch vụ. Theo đó, chi tiêu Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm nay giảm khoản tương ứng trên.



Nguyễn Hoàng Giang
Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Nguyễn Phạm Quỳnh Trang
Kế toán trưởng

Uông Thị Thu Huyền
Người lập biểu